



Tên học sinh:	Name	Tên giáo viên:	Teacher
Số ID của học sinh:		Trường:	School
Năm học:	2009 - 2010	Điện thoại:	563- Phone
Lớp:	1	Hiệu trưởng:	Principal

Performance/Những dấu hiệu trình độ học của học sinh	Success / Những dấu hiệu chỉ sự thành công
E = EXCEEDS Vượt tiêu chuẩn của lớp	1 = CONSISTENTLY Luôn luôn
M = MEETS Đạt tiêu chuẩn của lớp	2 = SOMETIMES Thỉnh thoảng
N = DOES NOT MEET Không đạt tiêu chuẩn của lớp	3 = SELDOM Ít khi
X = NOT USED Không học trong thời điểm này	

Học kỳ 1 2 3 4

Học kỳ 1 2 3 4

MATHEMATICS / TOÁN	SOCIAL STUDIES / XÃ HỘI HỌC
Hiểu và áp dụng:	History / Lịch sử:
Number / Số và các phép tính	Hiểu tại sao công việc đã thay đổi theo thời gian
Algebra / Đại số và Hàm số	
Geometry / Hình học	Political Science / Chính trị:
Measurement / Phép đo lường	Hiểu được những vai trò và Những tiến trình là một phần cần thiết của cộng đồng
Data Analysis / Phân tích dữ kiện và điều có thể	
SCIENCE / KHOA HỌC	Economics / Kinh tế:
Hiểu và áp dụng kiến thức vào:	Biết được vai trò của tiền tệ và Công việc trong đời sống mỗi ngày
Những nhu cầu và vòng đời cơ bản của thực vật	Geography / Địa lý:
Kiến thức dinh dưỡng và sức khoẻ	Biết được vị trí và tài nguyên Xác định những công việc được làm xong trong một cộng đồng
Thuộc tính những nguyên liệu cấu thành trái đất	
Tác động của lực lượng và năng lượng lên các đối tượng	PHYSICAL EDUCATION / THỂ THAO
Scientific Inquiry / Tham gia tìm hiểu khoa học	Chứng tỏ biết được sự khoẻ mạnh
Sử dụng các công cụ để thu thập dữ liệu và mở rộng các giác quan	Chứng tỏ có khả năng vận động
	Chứng tỏ biết cách sống
LANGUAGE ARTS / NGÔN NGỮ	FINE ARTS / NGHỆ THUẬT
Reading / Tập đọc	MUSIC / AM NHẠC
Đọc chính xác	Hiểu được lý thuyết âm nhạc
Đọc thông thạo	Chứng tỏ biết âm nhạc
Đọc và hiểu	Tham gia học thích hợp
Học cách áp dụng từ vựng	VISUAL ART / MỸ THUẬT
Học và áp dụng cách đọc	Dùng vật liệu, kỹ thuật và biết sử dụng dụng cụ
Writing Process / Tập viết	Trao đổi ý kiến và cảm giác
Dùng những tiến trình tập viết	Áp dụng căn bản nghệ thuật và những nét vẽ chính
Viết thay đổi tùy theo mục đích	Chứng tỏ biết cộng tác
Áp dụng ngôn ngữ trong khi viết	
Communication / Thông tin	
Dùng ngôn ngữ thích hợp	
Biết cách lắng nghe	
Dùng những kỹ thuật	

		Học kỳ				Học kỳ				
		1	2	3	4	1	2	3	4	
ATTENDANCE / SỰ HIỆN DIỆN						SKILLS FOR LIFE / CÁCH SỐNG				
Days Absent = Số ngày vắng mặt						Caring = Quan tâm				
Days Tardy = Số lần đi trễ						Common Sense = Hoà đồng				
						Effort = Cố gắng				
						Initiative = Có sáng kiến				
						Perseverance = Có kiên nhẫn				
						Responsibility = Có trách nhiệm				
						Teamwork = Làm việc đồng đội				

Teacher's Notes / Lời phê của giáo viên:

1st Qtr. / Học kỳ một

2nd Qtr. / Học kỳ hai

3rd Qtr. / Học kỳ ba

4th Qtr. / Học kỳ bốn